TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba

2. Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 429/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số 24 đường số 8, thôn 1, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn H (Đỗ Minh H), sinh năm 1975. Nơi cư trú: số 24 đường số 8, thôn 1, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị D trình bày: Bà D và ông H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 1998 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Đỗ Nhật H1, sinh ngày 05/8/2000 và Đỗ Minh Hiệp, sinh ngày 14/11/2005. Nhiều năm trở lại đây, vợ chồng bà luôn phát sinh mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông H không tin tưởng bà về quản lý tài chính gia đình nên cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, không thể chịu đựng được. Chính vì thế mà bà đã dọn ra ở riêng để tinh thần ổn định. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông H và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này vì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của bà và các con nên bà D kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, nếu con Hiệp ở với ông H thì bà D sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn nếu con ở với bà thì bà yêu cầu ông H phải cấp nuôi dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Đỗ Minh H (Đỗ Văn H) khai thống nhất như lời khai của bà D về thời gian kết hôn, con chung. Ông H thừa nhận vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau về công việc và luôn nghi ngờ nhau về tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Ông H cho rằng cuộc sống vợ chồng ông chưa đến mức phải ly hôn nên ông đề nghị vợ chồng cho nhau cơ hội để đoàn tụ, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình và chăm lo cho các con. Trường hợp bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng: trước khi đưa vụ án ra xét xử thì thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự có một số vi phạm nhưng đã được khắc phục; tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình cảm với ông H và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này, kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ

và đúng pháp luật. Về con chung: xét thấy cháu Hiệp đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Tòa án giao cho bà D được quyền trực tiếp nuôi và buộc ông H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà D và ông H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Theo quy định của Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà D và giấy khai sinh của Đỗ Nhật H1 và Đỗ Minh Hiệp thì có cơ sở xác định 02 cháu là con chung của bà D và ông H.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng, cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột trong suốt thời gian dài, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không tin tưởng nhau, thiếu quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống nên thường xuyên nghi kỵ nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tuy ông H không đồng ý ly hôn nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà D cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông H, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ, bởi mâu thuẫn vợ chồng đã quá nghiêm trọng, bà D không thể chịu đựng thêm được nữa và kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Từ

đó có căn cứ xác định, tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông H đã thật sự trầm trọng, gay gắt, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ.

Về con chung: Xét thấy cháu Đỗ Minh Hiệp đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn; bà D có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hiệp cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà D yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con Hiệp mỗi tháng 1.000.000 đồng và ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong bản án này, bởi các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà D là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí về cấp dưỡng là đúng quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị D.

1/ Về hôn nhân: Tuyên bố bà Trịnh Thị D ly hôn ông Đỗ Văn H (Đỗ Minh H).

2/ Về con chung: Giao cho bà Trịnh Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Đỗ Minh Hiệp, sinh ngày 14/11/2005. Buộc ông Đỗ Văn H (Đỗ Minh H) phải cấp dưỡng tiền nuôi con Hiệp cho bà Trịnh Thị D mỗi tháng là 1.000.000 đồng; Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 04/2020 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo

quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3/ Về án phí**:** Bà Trịnh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003191 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Văn H (Đỗ Minh H) phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (25/3/2020), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu